

Bản án số: 95/2021/HS-ST  
Ngày 24 - 9 - 2021

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M, TỈNH SƠN LA.**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Hoà;

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lò Văn Mẫn và ông Đoàn Quang Mạnh.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Quàng Công Thành, Thư ký Toà án nhân dân huyện M, tỉnh Sơn La.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M tham gia phiên tòa:** Ông Hà Văn Thiều, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sơn La; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 97/2021/TLST-HS ngày 09 tháng 9 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 101/2021/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 9 năm 2021 đối với bị cáo:

Lò Văn Q, sinh 01/10/2000; tại: huyện M, tỉnh Sơn La. Nơi cư trú: bản C, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ học vấn: lớp 03/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: không; con ông Lò Văn C, sinh năm 1975 và bà Lò Thị S, sinh năm 1975; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: Không; tiền sự: Không; Nhân thân: chưa có án tích hoặc xử lý, xử phạt vi phạm hành chính; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 29/6/2021 đến nay; có mặt tại phiên tòa.

**- Bị hại:** chị Lò Thị T, sinh 1990; nơi cư trú: bản N, xã M, huyện M, tỉnh Sơn La; có **mặt**.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 29/6/2021, Lò Văn Q đi bộ bản N, xã M, huyện M, khi nhìn thấy 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA TAURUS màu đỏ đen, Biển kiểm soát (BKS) 26B1- 63.161 để ở sân cửa nhà người dân (Lò Thị T) quan sát xung quanh vắng người, ổ khoá xe có cắm chìa khoá, Q đã đi vào dắt xe mô tô ra khỏi sân, nổ máy điều khiển đi theo hướng xã Bó Mười, huyện Thuận Châu; khi đến đoạn đường vắng Q dừng lại dùng tay bẻ gãy yếm, vỏ và chắn bùn phía sau có gắn BKS 26B1- 63.161 vứt bỏ rồi tiếp tục điều khiển đi đến bản P, xã M, thì

bị chị Lò Thị T truy đuổi bắt giữ báo Công an xã M lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ vật chứng dẫn giải về Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M điều tra theo thẩm quyền.

Ngày 30/6/2021 Cơ quan Cảnh sát điều tra tiến hành trưng cầu định giá tài sản, khám nghiệm hiện trường nhưng không thu giữ gì thêm. Thực hiện truy tìm phần yếm, vỏ và chấn bần phía sau có gắn BKS 26B1- 63.161 nhưng không thu giữ được.

Ngày 02/7/2021 Hội đồng định giá tài sản huyện M kết luận định giá tài sản số 14/KL-ĐGTS: Giá trị chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe TAURUS màu đỏ đen, BKS 26B1- 63.161 là 4.500.000đồng.

Ngày 11/8/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M đã quyết định trả lại: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe TAURUS màu đỏ đen, BKS 26B1- 63.161 cho chị Lò Thị T; chị T yêu cầu bị cáo phải bồi thường chi phí sửa chữa, thay thế (yếm, vỏ và chấn bần...) là 3.000.000VNĐ, chi phí truy tìm tài sản là 2.000.000VNĐ.

Bản cáo trạng số 66/CT-VK-ML ngày 07/9/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện M truy tố bị cáo Lò Văn Q về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đó là do nghiện ma túy, không có tiền chi tiêu nên nảy sinh ý định và thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản, bị cáo xin hưởng sự khoan hồng.

Chị Lò Thị T cung cấp 01 hoá đơn giá trị gia tăng đồng thời thay đổi yêu cầu: đề nghị bị cáo phải bồi thường chi phí sửa chữa, thay thế (yếm, vỏ và chấn bần...) bị hư hỏng là 2.588.000VNĐ, chi phí truy tìm tài sản không có căn cứ nên chị Tiện không yêu cầu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M luận tội và tranh luận: đề nghị tuyên bố bị cáo Lò Văn Q phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt Lò Văn Q từ 12 đến 18 tháng tù; không áp dụng phạt bổ sung đối với bị cáo. Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: chấp nhận cơ quan điều tra đã trả lại 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA màu đỏ đen, BKS 26B1- 63.161 cho chị Lò Thị T; Áp dụng Điều 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo phải bồi thường thiệt hại về tài sản số tiền 2.588.000VNĐ cho chị Tiện. Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 buộc bị cáo phải chịu án phí sơ thẩm.

Bị cáo Lò Văn Q tự bào chữa, tranh luận: nhất trí với luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân; xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt; nhất trí bồi thường chi phí sửa chữa, thay thế xe bị hư hỏng theo yêu cầu của chị T.

Bị hại đề nghị xử phạt theo quy định, đã nhận được tài sản và yêu cầu bị cáo phải bồi thường chi phí sửa chữa, thay thế xe bị hư hỏng là 2.588.000VNĐ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện M, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện M, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người khác không có ý kiến, khiếu nại, tố cáo về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về chứng cứ xác định hành vi phạm tội: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với nội dung kết luận điều tra, cáo trạng, biên bản khám nghiệm hiện trường, lời khai bị hại, chứng cứ, tài liệu đã được thu thập và phản ánh trong hồ sơ của vụ án, được thẩm tra, xác minh tại phiên tòa, xác định: Khoảng 12 giờ ngày 29/6/2021, bị cáo Lò Văn Q đến bản N, xã M, huyện M, khi nhìn thấy 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA TAURUS màu đỏ đen, BKS 26B1- 63.161 của Lò Thị T để ở sân, quan sát xung quanh vắng người, ổ khoá xe có cắm chìa khoá, bị cáo đã đi vào, nổ máy điều khiển đi tiêu thụ; khi đến đoạn đường vắng bị cáo dừng lại dùng tay bẻ gãy yếm, vỏ và chắn bùn phía sau có gắn BKS 26B1- 63.161 vứt bỏ rồi tiếp tục điều khiển đi đến bản P, xã M, thì bị bắt và thu giữ 01 chiếc xe mô tô. Theo kết luận định giá tài sản số: 14/KL-ĐGTS ngày 02/7/2021 của Hội đồng định giá tài sản huyện M: Giá trị chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe TAURUS màu đỏ đen, BKS 26B1- 63.161 là 4.500.000đồng. Như vậy, bị cáo Lò Văn Q là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, đã lợi dụng sự sơ hở trong quản lý tài sản của chủ sở hữu lén lút chiếm đoạt tài sản có trị giá 4.500.000VNĐ; hành vi đó đã xâm hại quyền sở hữu của người khác về tài sản nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Lò Văn Q phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự; tội phạm và hình phạt được quy định như sau: “1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng..., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

[3] Về tính chất mức độ của hành vi: Hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo còn rất trẻ nhưng không tu dưỡng, rèn luyện, lao động, làm ăn lương thiện phát triển kinh tế gia đình mà ý thức coi thường kỷ cương xã hội, pháp luật của Nhà nước, ăn chơi đua đòi, nghiện ma túy, thích hưởng thụ bằng tài sản của người khác; với mục đích có tiền chi tiêu cá nhân, bị cáo đã cố ý trực tiếp lén lút chiếm đoạt tài sản có trị giá là 4.500.000VNĐ và gây thiệt hại về tài sản với số tiền 2.588.000VNĐ; Hành vi phạm tội của bị cáo là ít nghiêm trọng nhưng tội phạm bị cáo thực hiện đã hoàn thành, hậu quả xảy ra không những xâm phạm quyền sở hữu, làm thiệt hại về tài sản của chị T mà còn ảnh hưởng xấu về trật tự an toàn xã hội, trật tự trị an ở địa phương nên Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện M truy tố bị cáo theo

tội danh và điều luật áp dụng là đúng người, đúng tội; tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát luận tội quy kết bị cáo phạm tội và đề nghị phạt tù đối với bị cáo là có căn cứ.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo không phạm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo (khai đầy đủ, đúng sự thật tất cả những gì liên quan đến hành vi phạm tội), ăn năn hối cải (bị cáo luôn thể hiện sự cắn rứt, dằn vò lương tâm, chấp hành tốt nội quy, quy định nhà tạm giữ, tạm giam, mong muốn sửa chữa, cải tạo mình thành người tốt). Do đó, xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo là người dân lao động, dân tộc thiểu số, sống ở vùng sâu, xa, nhận thức pháp luật hạn chế; tuổi bị cáo còn trẻ cần xem xét giúp đỡ bị cáo sửa chữa sai lầm, trở thành công dân có ích cho xã hội nên cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo không có tiền án, tiền sự nhưng là đối tượng nghiện ma túy (phiếu xét nghiệm dương tính (+) với ma túy), chính quyền địa phương xác định bị cáo không chấp hành quy định của địa phương, không có khả năng tự cải tạo nên cần cách ly ra ngoài xã hội một thời gian để đảm bảo giáo dục, cải tạo bị cáo thành người tốt, có ích cho xã hội và cũng nhằm răn đe, phòng ngừa, giáo dục cho hành vi tương tự.

[6] Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, biên bản xác minh tài sản, lời khai của bị cáo tại phiên tòa xác định: bị cáo không có tài sản giá trị nên không áp dụng hình phạt bổ sung, phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về biện pháp ngăn chặn: áp dụng Điều 329 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tiếp tục tạm giam bị cáo để bảo đảm việc thi hành án; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/6/2021 được xem xét khấu trừ vào thời gian chấp hành hình phạt tù.

[8] Vật chứng của vụ án: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe TAURUS màu đỏ đen, BKS 26B1- 63.161 là tài sản thuộc quyền sở hữu của chị Lò Thị T. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M đã trả lại chủ sở hữu là đúng thẩm quyền, có căn cứ khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Không ai yêu cầu ghi nhận việc nhận lại tài sản.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Sau khi chiếm đoạt xe mô tô, Q đã chủ động bê yếm, vỏ, chắn bùn phía sau vứt bỏ... lỗi hoàn toàn của bị cáo, buộc chủ sở hữu phải thay thế, sửa chữa, khôi phục lại xe; theo chứng từ hoá đơn giá trị gia tăng chứng minh đó là chi phí thực tế bị hại đã bỏ ra, hơn nữa Lò Văn Q đã nhận bồi thường số tiền theo yêu cầu. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu và buộc Lò Văn Q phải bồi thường thiệt hại về tài sản cho chị Tiệp số tiền là 2.588.000VNĐ; căn cứ

khoản 1 điều 48 Bộ luật Hình sự và các Điều 584, 585, khoản 1, 2, 4 Điều 589 Bộ luật Dân sự.

[10] Về án phí: không có tài liệu xác định bị cáo là đối tượng được giảm, miễn nộp tiền án phí nên buộc bị cáo phải chịu án phí sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

1. Tuyên bố: Bị cáo Lò Văn Q phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Xử phạt: Bị cáo Lò Văn Q 09 (Chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam (29/6/2021); không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 điều 48 Bộ luật Hình sự và các Điều 584, 585, khoản 1, 2, 4 Điều 589 Bộ luật Dân sự, buộc Lò Văn Q phải bồi thường thiệt hại về tài sản cho chị Lò Thị T là 2.588.000VNĐ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án nếu Lò Văn Q không tự nguyện thực hiện nghĩa vụ trả tiền bồi thường thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất chậm trả tính theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a, c khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: buộc bị cáo Lò Văn Q phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000VNĐ (Hai trăm nghìn đồng) và án phí dân sự sơ thẩm là 300.000VNĐ (Ba trăm nghìn đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (24/9/2021).

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- Sở Tư pháp tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện M;
- CA h.M (CSĐT, THAHS, Nơi giam);
- Chi cục THADS huyện M;
- UBND xã nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Hoà**

